TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS-ST
Ngày: 12/04/2017.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận; ông Đặng Hữu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên. Vắng mặt.

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 05 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Đức C, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; Địa chỉ: An Điền, Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương. Có mặt bà T, vắng mặt ông C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Đức C: Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, Địa chỉ: Đội 1, xã Nam Chính, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; Địa chỉ: An Điền, Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương. Có mặt.

Người làm chứng:

Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 5 ngõ 3 đường Trần Phú, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương. Vắng mặt.

Ông Nghiêm Đình S, sinh năm 1963; Địa chỉ: An Điền, Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1951; Địa chỉ: An Điền, Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hoàng Đức C, bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày:

Ngày 01/01/2014 (tức ngày 01/12/2013 âm lịch) vợ chồng bà cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoài S vay số tiền 50.000.000đ, tiếp đến ngày 25/12/2014 ông bà lại cho vợ chồng bà L, ông S vay số tiền là 40.000.000đ, tổng hai lần vay bằng 90.000.000đ, không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn trả chỉ nói khi nào cần tiền thì báo trước. Bà L là người trực tiếp hỏi vay và ông bà giao tiền cho bà L, bà L đã viết giấy biên nhận. Do khi vay tiền bà L nói là vay để làm vốn kinh doanh nên ông bà xác định đó là khoản vay chung của vợ chồng bà L, ông S. Sau khi cho bà L, ông S vay tiền thì ông bà có mua cám chăn nuôi của bà L, ông S với tổng số tiền là 17.460.000đ. Đối trừ vào số tiền ông bà cho bà L, ông S vay thì còn lại 72.540.000đ bà L, ông S chưa trả. Ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà L, ông S không trả. Đến nay ông S, bà L cho rằng số tiền 72.540.000đ hai bên đã thỏa thuận đối trừ vào số tiền ông S, bà L trả cho khoản vay tại Ngân hàng của vợ chồng con gái ông bà là chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Đồng M là không đúng. Nay ông bà yêu cầu bà L, ông S phải trả lại cho ông bà số tiền gốc là 72.540.000đ, không yêu cầu lãi.

Theo bản tường trình, biên bản ghi khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoài S trình bày:

Ông bà kinh doanh cám chăn nuôi nên vợ chồng ông C, bà T thường mua cám của vợ chồng bà. Ngày 01/12/2013 (âm lịch) và ngày 25/12/2014 dương lịch bà T sang nhà nói với bà cho đặt tiền trước để mua cám theo giá ưu đãi của công ty, bà đồng ý. Bà T đưa tiền cho bà 2 lần, một lần là 50.000.000đ, 1 lần là 40.000.000đ, tổng bằng 90.000.000đ. Sau khi bà T đưa tiền thì yêu cầu bà viết giấy vay tiền nên bà đã viết hai giấy vay tiền như bà T đã cung cấp cho Tòa án. Sau đó bà T đã sang nhà ông bà lấy cám nhiều lần tổng số tiền bằng 17.460.000đ, còn lại 72.540.000đ. Do trước đó khoảng tháng 2/2012 vợ chồng bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hải Dương số tiền 500.000.000đ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của vợ chồng bà. Anh Nguyễn Đồng M (chồng chị Hoàng Thị H) là cán bộ Ngân hàng đồng thời là con rể của bà T, ông C đã nhờ ông bà đứng ra vay hộ vợ chồng anh M 1 tỷ đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông C, bà T nên ông bà đã đồng ý. Đến năm 2014 vợ chồng anh M không trả được tiền cho Ngân hàng, sợ bị phát mại tài sản thế chấp nên bà T có nói với ông bà là cả hai gia đình

cũng vay chạy tiền để trả vào Ngân hàng, số tiền 90.000.000đ bà T gửi lấy cám trừ đi số cám đã lấy còn lại 72.540.000đ bà T cho anh M, chị H để trả vào Ngân hàng, vì vậy ông bà đã đi vay thêm 227.460.000đ thành 300.000.000đ trả vào Ngân hàng cho anh M, chị H vào ngày 12/03/2015. Việc thỏa thuận đối trừ số tiền 72.540.000đ giữa ông bà với bà T, ông C không lập văn bản nhưng có ông Nghiêm Đình S, ông Nguyễn Xuân L biết. Đến nay bà T, ông C khởi kiện đòi ông bà số tiền 72.540.000đ ông bà không chấp nhận. Ông bà không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Đồng M.

Người làm chứng:

Chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là con gái của ông C, bà T, anh Nguyễn Đồng M trước là chồng của chị nhưng anh chị đã ly hôn từ tháng 9/2015, hiện nay anh M ở đâu, làm gì chị không biết, chị không có bất kỳ một thông tin nào của anh M. Trước khi ly hôn với anh M, chị và anh M không có bất kỳ quan hệ vay mượn tài sản nào với ông S bà L hay có giao dịch nào liên quan đến ông S, bà L. Việc ông S, bà L vay tiền bố mẹ chị là có thật, chị và anh M không liên quan đến việc vay mượn đó nên không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ông Nghiêm Đình S trình bày: Ông có quan hệ là người cùng thôn với ông C, bà T, ông S, bà L. Khoảng cuối tháng 2/2015 ông đến nhà ông S, bà L để mua cám thì thấy bà T đang nói chuyện với ông S, bà L, ông có nghe thấy hai bên nói số tiền 90.000.000đ trừ số đã mua cám còn lại bao nhiêu bà T cho cháu trả vào Ngân hàng và nhờ ông S, bà L vay thêm để đủ 300.000.000đ để trả Ngân hàng. Ông S bà L đồng ý nhận lời giúp bà T còn sau đó hai bên thực hiện thế nào ông không biết.

Ông Nguyễn Xuân L trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng, chỉ là người cùng thôn với ông C, bà T, ông S, bà L. Vào khoảng năm 2014 hoặc 2015 khi ông đang ở nhà ông S, bà L mua hàng thì tình cờ nghe được bà T nói chuyện với ông S, bà L nội dung số tiền hai lần đưa là 90.000.000đ trừ vào số tiền đã lấy cám còn lại bao nhiêu nhờ ông S, bà L vay thêm cho đủ mấy trăm triệu để trả vào Ngân hàng cho hai cháu. Ông không biết mấy trăm hai bên đã nói là tiền gì và hai cháu là ai. Sau đó hai bên thực hiện như thế nào ông không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 12/10/2016, Công an phường Sao Đỏ, TX Chí Linh, Hải Dương cung cấp: Công dân Nguyễn Đồng M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 36A, đường Trần Phú, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương. Anh M đã vắng mặt tại nơi cứ trú 1 năm nay, không có tin tức, không biết hiện nay anh M ở đâu.

Ngày 11/04/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách có Công văn số 05/2017/CV-VKS đề nghị phối hợp trong xét xử, giải quyết vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn C yêu cầu bị đơn ông S, bà L phải trả cho ông bà số tiền còn nợ là 72.540.000đ. Không chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc ông bà đã nhất trí chuyển số tiền 72.540.000đ để ông S, bà L trả tiền hộ anh M, chị H tại Ngân hàng. Khẳng định lời khai của người làm chứng là ông Nghiêm Đình S, ông Nguyễn Xuân L là không đúng vì bà chưa bao giờ gặp ông Nghiêm Đình S, ông Nguyễn Xuân L; mặt khác bị đơn và hai người làm chứng đều khai việc bà nói cho anh M chị H số tiền 72.540.000đ xảy ra vào tháng 2/2015 nhưng theo bảng kê khai các lần lấy cám của bà thì sau tháng 2/2015 bà vẫn còn lấy cám nên tại thời điểm tháng 2 không thể chốt được số tiền là 72.540.000đ, như vậy lời khai của bị đơn và người làm chứng là mâu thuẫn và không đúng thực tế.

Bị đơn xác định sau khi đối trừ tiền lấy cám thì còn cầm của bà T số tiền là 72.540.000đ nhưng không chấp nhận trả cho bà T, ông C vì bà T đã đồng ý cho con là chị H, anh M số tiền đó để ông bà trả hộ cho vợ chồng anh M tại Ngân hàng. Do tin tưởng nên không yêu cầu bà T viết giấy nhưng có người làm chứng là ông S, ông L biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách vắng mặt tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 232 BLTTDS thì HĐXX tiếp tục xét xử không phải hoãn phiên tòa. Đối với người làm chứng là ông Nghiêm Đình S, chị Hoàng Thị H vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản, không có liên quan đến anh Nguyễn Đồng M do đó xác định anh M không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

- Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải số trả tiền đã vay vào các ngày 01/01/2014 (tức ngày 01/12/2013 âm lịch), 25/12/2014 theo 02 giấy vay tiền ghi

ngày 1/12/2013 (âm lịch), ngày 25/12/2014. Bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoài S thừa nhận: bà L có nhận của bà T hai lần tổng số tiền bằng 90.000.000đ nhưng không phải là vay tiền mà do bà T đặt tiền để mua cám chăn nuôi, nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh. Do đó Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng.

- Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông C, bà T khởi kiện yêu cầu ông S, bà L phải trả số tiền gốc là 90.000.000đ, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông C, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối trừ số tiền thức ăn chăn nuôi đã lấy của bà L, ông S nên yêu cầu ông S, bà L phải trả số tiền còn lại là 72.540.000đ. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T, ông C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của BLTTDS về quyền tự định đoạt của đương sự.

Xét yêu cầu đòi bị đơn phải trả số tiền gốc 72.540.000đ, HĐXX xét thấy: Nguyên đơn trình bày đã cho bị đơn vay số tiền gốc là 90.000.000đ vào hai ngày 01/01/2014 (tức ngày 01/12/2013 âm lịch) và 25/12/2014, mục đích cho vay để bị đơn sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình, không tính lãi, không thỏa thuận về thời hạn vay, khi nhận tiền bà L có viết 02 giấy vay tiền. Bị đơn bà L thừa nhận có nhận tiền của bà T hai lần bằng 90.000.000đ. Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với bị đơn về số tiền đã giao là 90.000.000đ, phù hợp chứng cứ là 02 tờ giấy viết tay ghi ngày 1/12/2013 (âm lịch) có nội dung Em S, L có vay của anh chị T, C số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn)" (BL05) và giấy ghi ngày 25/12/2014 có nội dung " Em L, S có vay của chị T 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng chẵn)" (BL06). Bà L cho rằng đó là tiền bà T đặt mua cám nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn, bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền là 90.000.000đ, không tính lãi, không thỏa thuận thời hạn vay.

Bị đơn trình bày bà T đã nhiều lần mua cám của ông bà tổng số tiền là 17.460.000đ vì vậy đối trừ với số tiền 90.000.000đ chỉ còn 72.540.000đ. Nguyên đơn bà T, ông C thừa nhận số tiền đã mua cám và chấp nhận đối trừ số tiền đó vào số tiền đã cho ông S, bà L vay. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông S, bà L còn nợ ông C, bà T số tiền là 72.540.000đ.

Bị đơn ông S, bà L không chấp nhận trả 72.540.000đ cho ông C, bà T vì cho rằng hai bên đã thỏa thuận đối trừ số tiền đó vào số tiền mà ông S, bà L đã trả hộ anh Nguyễn Đồng M, chị Hoàng Thị H tại Ngân hàng TMCP đầu tư và

phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hải Dương. Ông C, bà T không thừa nhận nội dung này và phù hợp với khai của chị Hoàng Thị H. Các tài liệu là bản phô tô hợp đồng tín dụng giữa ông S, bà L với Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hải Dương ngày 23/11/2012, Giấy nộp tiền mặt ngày 12/03/2015 (số tiền 300.000.000đ) do bà L xuất trình và lời khai của ông Nghiêm Đình S, Ông Nguyễn Xuân L không có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đối trừ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn sang cho nghĩa vụ trả nợ của chị H, anh M. Do đó yêu cầu khởi kiện đòi ông S, bà L phải trả số tiền 72.540.000đ của ông C, bà T là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 283, 290, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T được chấp nhận nên ông S, bà L phải chịu án phí theo quy định tại BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ông C, bà T được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 283, 290, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 232, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức C, bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc ông Nguyễn Hoài S và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Hoàng Đức C, bà Nguyễn Thị T số tiền 72.540.000đ (*Bảy hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông Nguyễn Hoài S, bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.627.000đ (*Ba triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Đức C và bà Nguyễn Thị T 2.250.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AB/2014/005192 ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Thu Thúy